Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0902

Mã HS	0902
Mô tả hàng hóa	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu
Đơn vị	
Thời điểm tạo	11/11/2026 10:43:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/0902/

8 dòng thuế thuộc 0902

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
0902.10.10	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè xanh (chưa ủ men) đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3 kg: / - - Lá chè	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.10.90	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè xanh (chưa ủ men) đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3 kg: / - - Loại khác	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.20.10	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè xanh khác (chưa ủ men): / - - Lá chè	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.20.90	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè xanh khác (chưa ủ men): / - - Loại khác	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.30.10	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè đen (đã ủ men) và chè đã ủ men một phần, đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3kg: / - - Lá chè	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.30.90	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè đen (đã ủ men) và chè đã ủ men một phần, đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3kg: / - - Loại khác	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.40.10	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè đen khác (đã ủ men) và chè khác đã ủ men một phần: / - - Lá chè	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0902.40.90	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu / - Chè đen khác (đã ủ men) và chè khác đã ủ men một phần: / - - Loại khác	kg	60%	40%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.